TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH T.N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2026/DS-ST
Ngày: 17-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – T.N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường;

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bảo Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – T.N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – T.N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Vi - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 – T.N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 703/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng V;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89, Láng Hạ, phường Đ.Đ, Thành phố H.N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Trung - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân;

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Lê Hoài T1 – Cán bộ xử lý nợ (có mặt)

2. Ông Chu Văn B – Cán bộ xử lý nợ (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 06, Lê Cao Dõng, phường L.A, tỉnh T.N.

3. Ông Nguyễn Văn Đ – Cán bộ xử lý nợ (vắng mặt)

Địa chỉ: 96, Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Số 109, Trần Hưng Đạo, ấp 5, xã Cần Đước, tỉnh T.N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoài T1 như sau:

Bà T đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK) theo Hợp đồng với số tiền vay và mục đích vay như sau:

- Hợp đồng số LD2207300687, hạn mức vay là 52.500.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất 55%/năm, ngày giải ngân là 14/3/2022, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.
- Hợp đồng số LD2303800629, hạn mức vay là 56.400.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 56,5%/năm, ngày giải là 07/02/2023.

VPBANK đã giải ngân cho bà T bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà T mở tại VPBANK số tài khoản là 170259459. Hợp đồng số LD2207300687 giải ngân số tiền 52.500.000 đồng vào ngày 14/3/2022, Hợp đồng số LD2303800629 giải ngân số tiền 56.400.000 đồng vào ngày 07/02/2023.

Đối với hợp đồng vay vốn LD2207300687 có thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân, phương thức trả nợ hàng tháng vừa gốc vừa lãi theo lịch sử trả nợ của VPBANK, mỗi tháng bà T phải trả là 3.657.305 đồng, ngày trả nợ là ngày 14 tây hàng tháng, số tiền vốn và tiền lãi trả trong mỗi tháng là không giống nhau mà căn cứ vào lịch sử trả nợ của VPBANK. Lịch sử trả nợ VPBANK có cung cấp cho bà T để biết lịch trả nợ. Trong quá trình vay tiền bà T có trả gốc và lãi cho VPBANK với số tiền nợ gốc 36.494.421 đồng và nợ lãi 32.494.375 đồng. Tới ngày 14/12/2023, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, VPBANK đã chuyển nợ quá hạn khoản vay vào ngày 14/12/2023. Đối với khoản vay này bà T còn nợ tiền vốn vay là 16.005.579 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính tới ngày 17/3/2026 là 31.444.729 đồng.

Đối với hợp đồng vay vốn LD2303800629 có thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, phương thức trả nợ hàng tháng vừa gốc vừa lãi theo lịch sử trả nợ của VPBANK, mỗi tháng bà T phải trả là 2.859.951 đồng, số tiền vốn và tiền lãi trả trong mỗi tháng là không giống nhau mà căn cứ vào lịch sử trả nợ của VPBANK, ngày trả nợ là vào ngày 14 tây hàng tháng. VPBANK có cung cấp lịch sử trả nợ cho bà T để bà T biết lịch trả nợ.

Tại hợp đồng vay số LD2303800629 bà T đã trả được số tiền gốc 2.341.014 đồng và lãi 27.225.917 đồng. Đến ngày 14/12/2023, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, VPBANK chuyển nợ quá từ ngày 14/12/2023, số tiền nợ gốc chuyển nợ quá hạn là 54.826.735 đồng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, nợ lãi quá hạn được tính trên dư nợ gốc từ ngày 14/12/2023 đến ngày 14/01/2024 là 4.076.376 đồng. Đến ngày 15/01/2024, bà T có trả tiền nợ gốc 803.749 đồng, nên từ ngày 15/01/2024 tiền lãi quá hạn được tính trên dư nợ gốc là 54.058.986 đồng. Đối với khoản vay này, bà T còn nợ tiền nợ gốc 54.058.986 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 17/3/2026 là 103.116.075 đồng.

Nay VPBANK đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải thanh toán cho VPBANK toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cụ thể:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (số mã hóa LD2207300687) ngày 08/3/2022 tạm tính đến ngày 17/3/2026 là 47.450.308 đồng trong đó nợ gốc: 16.005.579 đồng, nợ lãi 31.444.729 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023 tạm tính đến ngày 17/3/2026 là 157.175.061 đồng, trong đó nợ gốc: 54.058.986 đồng và nợ lãi 103.116.075 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Kim T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 17/3/2026 là 204.625.369 đồng, trong đó nợ gốc: 70.064.565 đồng, nợ lãi 134.560.804 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. VPBANK yêu cầu bà T hoàn trả 01 lần số tiền trên.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (số mã hóa LD2207300687) ngày 08/3/2022 và Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023 không yêu cầu cá nhân nào cùng liên đới thanh toán số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày như sau:

Bà T xác nhận bà T có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của VPBANK (số mã hóa LD2207300687) ngày 08/3/2022 số tiền là 52.500.000 đồng nhưng khi nhận tiền bà T chỉ nhận là 48.000.000 đồng, VPBANK nói trừ tiền phí gì đó của VPBANK và Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023 số tiền là 56.400.000 đồng, nhưng bà T chỉ nhận được số tiền là 50.00.000 đồng, VPBANK cũng nói trừ phí, mục đích vay của 02 khoản vay: vay tiêu dùng cá nhân. Số tiền giải ngân bà T được nhận qua hình thức là nhận tiền mặt.

Tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (số mã hóa LD2207300687) ngày 08/3/2022 số tiền vay là 52.500.000 đồng, bà T trả được 20 kỳ, mỗi kỳ trả 3.657.305 đồng, tổng số tiền đã trả được 73.140.000 đồng, như vậy là bà T đã trả xong nợ, không còn nợ đối với khoản vay tại hợp đồng số LD2207300687.

Tại Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023, khi bà T vay khoản vay này, bà T nhu cầu của bà T là vay trong thời gian 24 tháng như các khoản vay trước đó nhưng nhân viên VPBANK đưa cho bà T lịch sử trả nợ thì bà T thấy thời gian quá dài, hỏi lại mới biết là thời hạn vay 60 tháng. Bà T không đồng ý, bà T có yêu cầu nhân viên VPBANK làm hồ sơ cho bà T với thời hạn là 24 tháng nhưng nhân viên VPBANK nói là bà T về đóng tiền 02 kì trước thì VPBANK sẽ làm lại lịch sử trả nợ cho bà T nên bà T đồng ý. Sau đó, bà T đã đóng được 09 kì, kì đầu đóng 3.055.614 đồng, từ kì thứ 02 trở đi đóng 2.859.951 đồng. Nhưng VPBANK cũng không làm lại hồ sơ vay vốn cho bà T với thời gian là 24 tháng như trước. Bà T đã trả được 25.731.000 đồng. Khi bà T nhận lịch sử trả nợ từ VPBANK bà T có xem nội dung nhưng không hiểu là có việc phân chia nợ gốc và nợ lãi phải trả mỗi tháng, bà T chỉ biết mỗi tháng là trả cho VPBANK 2.859.951 đồng.

Theo bà T, bà T còn nợ lại 24.269.000 đồng.

Bà T chỉ đồng ý trả cho VPBANK số tiền là 24.269.000 đồng, ngoài ra bà T không đồng ý các khoản yêu cầu tính lãi của VPBANK, còn khoản vay theo hợp đồng số LD2207300687 thì bà T đã trả xong nên không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – T.N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 116, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPBANK đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiêm trả Ngân hàng V số tiền vốn vay là 70.064.565 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/3/2026 là 134.560.804 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng trên nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Nguyên đơn VPBANK khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị Kim T, bà T có nơi cư trú tại ấp 5, xã Cần Đước, tỉnh T.N nên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – T.N.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: VPBANK khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số vốn vay còn nợ là 70.064.565 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/3/2026 134.560.084 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy bà T xác định có vay vốn tại VPBANK theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 08/3/2022 của VPBANK (số mã hóa LD2207300687) số tiền là 52.500.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng và Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023 số tiền 56.400.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng.

Bà T có trách nhiệm trả dần hàng tháng vừa gốc vừa lãi theo lịch sử trả nợ của VPBANK. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định, đối với khoản vay tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của VPBANK bà T đã trả được 20 kì, vi phạm nghĩa vụ trả nợ 04 kì, tính đến ngày xét xử sơ thẩm khoản vay này đã hết hạn, còn đối với khoản Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023, bà T trả được 09 kì thì ngưng trả nợ.

Tại phiên tòa, bà T xác định bà T trả nợ cho VPBANK đến ngày 14/12/2023 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ Điều 6 Phần B Bản Điều khoản giao dịch chung về cho vay từng lần hoặc cho vay theo hạn mức thì VPBANK đã chuyển nợ quá khoản vay của bà T từ ngày 14/12/2023 là có căn cứ.

Đối với khoản vay Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm chưa hết thời hạn cho vay, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Điều 7

Phần B Bản Điều khoản giao dịch chung về cho vay từng lần hoặc cho vay theo hạn mức thì trong trường hợp khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi phí, chi phí và bất kì nghĩa vụ tài chính nào khác đối với VPBANK (bao gồm nghĩa vụ trả nợ theo bất kì kì trả nợ gốc, kỳ trả nợ lãi) theo thỏa thuận giữa VPBANK và khách hàng tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung và các văn bản thỏa thuận liên quan thì VPBANK được quyền khởi kiện thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay. Do đó, VPBANK khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ trước hạn đối với khoản theo Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023 là có căn cứ chấp nhận.

Bà T cho rằng đối với khoản vay tại tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (số mã hóa LD2207300687) ngày 08/3/2022 số tiền vay là 52.500.000 đồng, bà T trả được 20 kỳ, mỗi kỳ trả 3.657.305 đồng, tổng số tiền đã trả được 73.140.000 đồng, nên bà T không còn nợ VPBANK. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào lịch sử trả nợ do VPBANK cung cấp thì hàng tháng bà T phải trả dần vừa nợ gốc và nợ lãi theo lịch sử trả nợ của VPBANK, nhưng bà T không thực hiện đúng lịch trả nợ, tương tự đối với khoản vay Hợp đồng vay số LD2303800629 ngày 07/02/2023, bà T không thực hiện đúng theo lịch sử trả nợ của VPBANK, bà T xác định chỉ còn nợ 24.269.000 đồng nhưng bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của VPBANK là có căn cứ chấp nhận, bà T có trách nhiệm trả tiền vốn vay cho VPBANK là 70.064.565 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 17/3/2026 134.560.804 đồng.

[3] Tại phiên tòa, bà T đề nghị được trả dần số tiền còn nợ cho VPBANK mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Lời đề nghị này của bà T không được VPBANK đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả dần của bà T.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 6 – T.N, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số tiền vốn vay còn nợ là 70.064.565 (Bảy mươi triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi lăm) đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 134.560.804 (Một trăm ba mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn tám trăm linh bốn) đồng. Tổng cộng 204.625.369 (Hai trăm linh bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi chín) đồng

Kể từ ngày 18/3/2026, bà Nguyễn Thị Kim T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng cho vay số LD2207300687 ngày 08/3/2022 và hợp đồng cho vay số LD23033800629 ngày 07/02/2023.

2. Về án phí: Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thương mại Việt Nam Thịnh tiền tạm ứng án phí là 3.547.233(Ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng theo biên lai số 0012299 của Thi hành án dân sự tỉnh T.N. Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.231.268 (Mười triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm sáu mươi tám) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.N;
- VKSND Khu vực 6 – T.N;
- THA.DS tỉnh T.N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân